

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ - ST.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hà Giang;

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Tân.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2021/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc: “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST – HPT ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hạ Thị H**, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 14, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Đặng Tiến D**, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (Hiện nay đang ở nước ngoài).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tạ Thị M, sinh năm 1961. Địa chỉ: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (Chị H, bà M có mặt; anh D vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hạ Thị H trình bày:* Chị và anh D kết hôn ngày 20/9/2013, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 anh D đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Năm đầu tiên anh D gửi tiền về cho chị được vài lần tổng cộng khoảng 20.000.000đ để cùng chị lo cho con cái ăn học và cũng hay gọi điện thăm hỏi gia đình. Đến đầu năm 2018 chị và bà M xảy ra mâu thuẫn và bà M gọi điện cho anh D và từ đó mâu thuẫn giữa anh D và chị ngày càng trầm trọng và anh D cũng không liên lạc gì với chị trong suốt thời gian từ năm 2018 đến nay, không gửi tiền về để chị lo cho con và gia đình, anh D còn chặn cả liên lạc trong một thời gian dài. Đến tháng 8/2021, bà M đuổi chị ra khỏi nhà và chị cùng hai con về nhà bố, mẹ đẻ ở nhờ cho đến nay. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là cháu Đặng Huy H, sinh ngày 11/7/2014 và cháu Đặng Bình A, sinh ngày 07/9/2016. Nay chị có nguyện vọng được nuôi cháu Đặng Bình A và để cho anh D nuôi cháu Đặng Huy H bởi vì cháu H hiện nay đang ở với bà M (mẹ đẻ anh D) và vẫn do bà M chăm sóc trong thời gian anh D ở nước ngoài. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị anh D phải cấp dưỡng vì mỗi người nuôi một con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị chưa yêu cầu tòa án giải quyết.

*Phía bị đơn:* Anh Đặng Tiến D hiện đang ở nước ngoài thể hiện tại công văn số: 23632/QLXNC – P5 ngày 12/10/2021 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 08/10/2021 của Cục xuất nhập cảnh bộ Công an xác định anh D xuất cảnh lần cuối cùng ngày 09/01/2020. Do Chị H không biết địa chỉ của anh D ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của Bà Tạ Thị M (mẹ đẻ anh D) và được bà M cung cấp như sau: Hiện tại anh D đang ở Đài Loan (Trung Quốc) địa chỉ cụ thể bà không biết. Nhưng bà và anh D vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại Zalo, bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh D và yêu cầu bà cung cấp địa chỉ của anh D ở nước ngoài, bà đã thông báo cho anh D biết xong anh D không cung cấp địa chỉ cho bà để bà cung cấp cho Tòa án. Thông qua điện thoại bà đã trao đổi nội dung Chị H xin ly hôn anh D và anh D thông tin nếu anh D được nuôi cháu Đặng Huy H thì anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Bà xác định Chị H và anh D có hai con chung là cháu Đặng Huy H và cháu Đặng Bình A. Hiện nay cháu H đang ở với bà còn cháu A đang ở

với Chị H. Tại phiên tòa, bà M trình bày khi liên lạc với anh D thì anh D có quan điểm xin được nuôi cháu H còn cháu A để Chị H nuôi. Trong thời gian anh D ở nước ngoài bà có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu H khi nào anh D về nước bà có trách nhiệm bàn giao lại cháu H cho anh D nuôi dưỡng. Trong thời gian bà nuôi dưỡng cháu H bà không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi cháu H cùng bà.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị H và anh D không có gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTV-QH14 ngày 30/12/2016; xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện cho chị Hạ Thị H được ly hôn Anh Đặng Tiến D.

Về con chung: Giao cháu Đặng Bình A, sinh ngày 07/9/2016 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Đặng Huy H, sinh ngày 11/7/2014 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được bảo đảm quyền của người không trực tiếp nuôi con chung. Trong thời gian anh D ở nước ngoài tạm giao cháu H cho bà M chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xác nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu anh D, Chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu H trong thời gian tạm giao.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí LHST, xác nhận Chị H đã nộp đủ án phí theo biên lai tạm ứng án phí của Cục THADS tỉnh Phú Thọ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hạ Thị H nộp đơn xin ly hôn Anh Đặng Tiến D tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, Chị H trình bày hiện anh D đang ở nước ngoài. Tại công văn số: 23632/QLXNC – P5 ngày 12/10/2021 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 08/10/2021 của Cục quản lý

xuất nhập cảnh Bộ công an xác định Anh Đặng Tiến D đã xuất cảnh lần cuối cùng ngày 09/01/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này anh D không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị H đề nghị xin ly hôn với anh D và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh D mà không cung cấp được địa chỉ anh D ở chỗ nào tại nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của anh D là Bà Tạ Thị M (mẹ đẻ anh D) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không biết địa chỉ cụ thể của anh D ở đâu tại nước ngoài, bản thân anh D không cung cấp địa chỉ mặc dù đã được bà M thông báo. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hạ Thị H và Anh Đặng Tiến D trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 20/9/2013 tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị H và anh D có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là quan điểm sống không hợp nhau, mâu thuẫn giữa gia đình nhà chồng và Chị H. Theo Chị H thì từ năm 2018 đến nay, anh D không gửi tiền về để chị lo cho con và gia đình, anh D còn chặn cả điện thoại liên lạc trong một thời gian dài. Đến tháng 8/2021, mẹ chồng chị đuổi chị ra khỏi nhà và chị bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở nhờ từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Mặc dù anh D không có lời khai xong thông qua bà M là mẹ đẻ anh D cung cấp quan điểm của anh D cũng nhất trí ly hôn với Chị H. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa Chị H và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho Chị H được ly hôn anh D là phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là cháu Đặng Huy H, sinh ngày 11/7/2014 và cháu Đặng Bình A, sinh ngày 07/9/2016. Tại phiên tòa, Chị H

có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A còn cháu H để anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian anh D ở nước ngoài Chị H nhất trí để bà M thay anh D nuôi dưỡng cháu H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Phía bà M cũng nhất trí quan điểm của Chị H, bà M còn cung cấp thông tin phía anh D cũng đồng ý quan điểm nuôi con chung của Chị H. Trong thời gian bà M nuôi dưỡng cháu H bà M tự nguyện không yêu cầu anh D, Chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu H cùng bà.

Xét thấy: Nguyện vọng của Chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A là chính đáng thể hiện quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung khi ly hôn. Do vậy cần giao cho Chị H được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A là phù hợp. Đối với cháu H hiện nay đang ở ổn định với bà M (mẹ đẻ anh D), quan điểm của Chị H nhất trí để anh D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và trong thời gian anh D ở nước ngoài bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng và hiện nay bà M đang nuôi dưỡng cháu H có đủ điều kiện đảm bảo cho cháu học tập, phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tinh thần trong thời gian anh D ở nước ngoài. Phía bà M cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H cho đến khi anh D về nước thì giao lại cho anh D. Do vậy cần giao cháu Đặng Huy H cho Anh Đặng Tiến D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Trong thời gian anh D ở nước ngoài tạm giao cháu H cho bà M nuôi dưỡng khi nào anh D về nước bà M có trách nhiệm giao lại cháu H cho anh D nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xác nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu anh D, Chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu H trong thời gian bà M được tạm giao nuôi dưỡng cháu H.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị H tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 81,82,83 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hạ Thị H được ly hôn Anh Đặng Tiến D.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Hạ Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đặng Bình A, sinh ngày 7/9/2016 và giao cho anh D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đặng Huy H, sinh ngày 11/7/2014 đến khi cháu H, cháu A thành niên.

Trong thời gian anh D ở nước ngoài tạm giao cháu Đặng Huy H cho Bà Tạ Thị M, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh D về nước thì bà M có trách nhiệm giao cháu H lại cho anh D.

Chị H, anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh D không phải cấp dưỡng nuôi cháu H cùng bà M. Vì bà M tự nguyện không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Hạ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000012 ngày 12/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H, bà M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đ-ơng sự;
- UBND thị trấn L;
- L- u hồ sơ vụ án.

Các hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hà Giang**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa